

Số: 112 /CV-TN

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức : Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội
- Mã chứng khoán : TNV
- Địa chỉ : Số 10B phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024-38572699
- Email : tnbike@thongnhat.com.vn
- Website : https://thongnhat.com.vn
2. Nội dung thông tin công bố:
  - Báo cáo tài chính bán niên năm 2025:
    - ☒ Báo cáo tài chính riêng (Tổ chức niêm yết không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
    - ☐ Báo cáo tài chính hợp nhất (Tổ chức niêm yết có công ty con);
    - ☐ Báo cáo tài chính tổng hợp (Tổ chức niêm yết có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);
  - Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
  - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo kiểm toán (đối với Báo cáo kiểm toán được kiểm toán năm 2024):
    - ☐ Có ☐ Không
  - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
    - ☐ Có ☐ Không
  - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2024):
    - ☐ Có ☐ Không
  - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
    - ☐ Có ☐ Không
  - + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:
    - ☒ Có ☐ Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 13/08/2025 tại đường dẫn: <https://thongnhat.com.vn>

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC bán niên 2025
- Văn bản giải trình

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT/NGƯỜI**  
**UQCBTT**

(Ký ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Dinh Vũ Minh Việt*

Số: 111 /TNV

"V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận trên BCTC  
năm nay so với cùng kỳ năm trước"

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020 hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội.

**Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội (Mã chứng khoán: TNV)**

Nội dung giải trình: Chỉ tiêu 60 "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" trên Báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 là 880.158.324 đồng so với Chỉ tiêu 60 "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" của 6 tháng đầu năm 2025 là 441.787.888 đồng vì các nguyên nhân sau:

- Doanh thu tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ năm trước.
- Kiểm soát tốt các chi phí đầu vào.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng và xin chân thành cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu: P.NS. P.KT

TỔNG GIÁM ĐỐC



*Dinh Vũ Minh Việt*

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**

Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm,  
TP. Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05-06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08-09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10-29

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI

Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm,  
TP. Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thống nhất Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Ngọc Tú	Chủ tịch	
Ông Phạm Văn Minh	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm từ tháng 6/2025
Ông Vũ Hà Nam	Thành viên	Miễn nhiệm từ tháng 6/2025
Ông Phí Trọng Thành	Thành viên	
Ông Đinh Vũ Minh Việt	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	Bỏ nhiệm từ tháng 6/2025
Bà Vũ Thị Phương	Thành viên	Bỏ nhiệm từ tháng 6/2025

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Vũ Minh Việt	Tổng Giám đốc
Ông Phí Trọng Thành	Phó Tổng Giám đốc

##### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Thủy	Trưởng ban	Bỏ nhiệm từ tháng 6/2025
Ông Nguyễn Hồ Ngọc	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ tháng 6/2025
Ông Bùi Ngọc Sơn	Thành viên	Bỏ nhiệm từ tháng 6/2025
Ông Chu Văn Vượng	Thành viên	

##### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG NHẤT HÀ NỘI

Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm,  
TP. Hà Nội, Việt Nam

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Chủ tịch cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Đinh Vũ Minh Việt  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025





Số: 536/BCKT-TC/AVA.NV6

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà SUDICO, đường Mỹ Đình,  
Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội  
T: (+84 24) 3868 9566 (+84 24) 3868 9588  
F: (+84 24) 3868 6248 W: www.kiemtoanava.com.vn

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thống nhất Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thống nhất Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 07 năm 2025, từ trang 05 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thống nhất Hà Nội tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### *Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty chưa được soát xét.



Nguyễn Bảo Trung  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN Kiểm toán số: 0373-2023-126-1  
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>120.868.618.608</b>	<b>110.606.109.722</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>5.752.363.948</b>	<b>13.469.348.268</b>
1. Tiền	111		5.752.363.948	13.469.348.268
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>6.500.000.000</b>	<b>6.500.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		6.500.000.000	6.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14.144.456.795</b>	<b>14.685.523.222</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	20.831.391.067	20.500.227.225
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	1.372.771.419	2.033.150.049
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	129.101.428	340.953.067
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(8.188.807.119)	(8.188.807.119)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>90.951.642.965</b>	<b>74.118.886.914</b>
1. Hàng tồn kho	141		90.951.642.965	74.118.886.914
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.520.154.900</b>	<b>1.832.351.318</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	2.058.613.872	707.064.721
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		682.440.000	346.185.569
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	779.101.028	779.101.028
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>185.565.361.426</b>	<b>186.391.833.349</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>366.600.000</b>	<b>366.600.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	366.600.000	366.600.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>57.976.687.060</b>	<b>58.944.760.959</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	56.685.014.569	57.456.523.464
- Nguyên giá	222		107.728.391.511	105.914.676.995
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.043.376.942)	(48.458.153.531)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	1.291.672.491	1.488.237.495
- Nguyên giá	228		1.680.520.000	1.680.520.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(388.847.509)	(192.282.505)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>5.617.417.563</b>	<b>5.617.417.563</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.617.417.563	5.617.417.563
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>117.025.553.713</b>	<b>117.025.553.713</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		117.025.553.713	117.025.553.713
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.579.103.090</b>	<b>4.437.501.114</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	4.579.103.090	4.437.501.114
<b>TONG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>306.433.980.034</b>	<b>296.997.943.071</b>



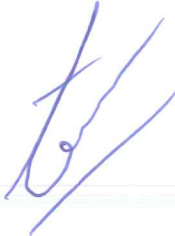
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

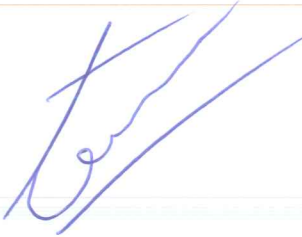
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025


Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>88.987.349.142</b>	<b>79.993.100.067</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>88.987.349.142</b>	<b>79.993.100.067</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	14.188.585.196	7.239.063.564
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		860.022.690	783.797.792
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.718.271.580	71.753.965
4. Phải trả người lao động	314		1.689.027.463	1.738.701.132
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	431.441.318	70.153.354
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	371.156.029	156.396.896
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	66.467.616.406	65.872.182.654
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.261.228.460	4.061.050.710
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>217.446.630.892</b>	<b>217.004.843.004</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>217.446.630.892</b>	<b>217.004.843.004</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		237.000.000.000	237.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		237.000.000.000	237.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.592.767	7.592.767
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(19.560.961.875)	(20.002.749.763)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(20.002.749.763)	(24.314.186.351)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		441.787.888	4.311.436.588
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>306.433.980.034</b>	<b>296.997.943.071</b>

  
 Trần Thành Trung  
 Người lập

  
 Trần Thành Trung  
 Kế toán trưởng

  
 Đinh Vũ Minh Việt  
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

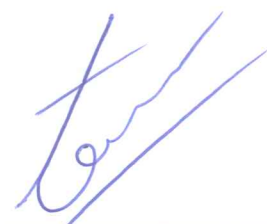
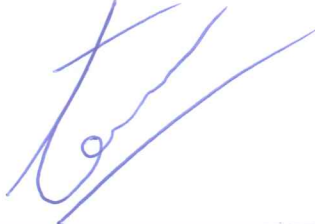
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mẫu số B 02a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	89.951.518.310	59.756.008.344
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	83.698.500	25.138.289
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		89.867.819.810	59.730.870.055
4. Giá vốn hàng bán	11	24	73.360.412.533	48.552.850.074
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		16.507.407.277	11.178.019.981
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	138.217.723	318.364.596
7. Chi phí tài chính	22	26	1.980.156.423	1.640.252.090
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.980.156.423	1.640.252.090
8. Chi phí bán hàng	25	27	7.475.836.189	4.938.310.805
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	5.794.944.379	5.673.799.704
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.394.688.009	(755.978.022)
11. Thu nhập khác	31		212.500	18.519.035
12. Chi phí khác	32	29	674.132.519	142.699.337
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(673.920.019)	(124.180.302)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		720.767.990	(880.158.324)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	278.980.102	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		441.787.888	(880.158.324)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	19	(37)


Trần Thành Trung  
Người lập

Trần Thành Trung  
Kế toán trưởngĐinh Vũ Minh Việt  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		720.767.990	(880.158.324)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		2.781.788.415	2.267.709.241
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(138.217.723)	(338.364.596)
- Chi phí lãi vay	06		1.980.156.423	1.640.252.090
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.344.495.105	2.689.438.411
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		204.811.996	(5.257.910.843)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(16.832.756.051)	(19.088.192.405)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.919.657.471	5.918.629.023
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.493.151.127)	(678.088.134)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.980.156.423)	(1.640.252.090)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(799.822.250)	(2.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.636.921.279)	(18.058.876.038)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.813.714.516)	(3.067.436.701)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	20.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		138.217.723	318.364.596
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.675.496.793)	(2.729.072.105)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		77.070.952.133	72.815.857.335
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(76.475.518.381)	(55.187.169.347)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		595.433.752	17.628.687.988



CÔNG TY CỔ PHẦN THÔNG NHẤT HÀ NỘI

Số 10B, Phố Tráng Thi, Phường Hoàn Kiếm,  
TP. Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ


Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

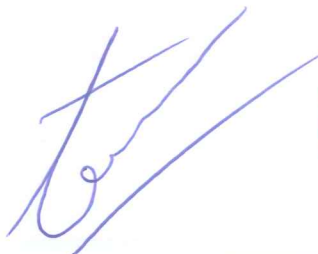
MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(7.716.984.320)	(3.159.260.155)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		13.469.348.268	4.674.738.074
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	5.752.363.948	1.515.477.919



Trần Thành Trung  
Người lập



Trần Thành Trung  
Kế toán trưởng



Đinh Vũ Minh Việt  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thống Nhất Hà Nội được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 05 tháng 03 năm 2025, Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH Một thành viên Thống Nhất ngày 27 tháng 02 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 237.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2025 là 237.000.000.000 đồng; tương đương 23.700.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là TNV.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất công nghiệp.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất xe đạp;

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 30/06/2025 là 152 người (tại ngày 30/06/2024 là 145 người)

### 2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 09a-DN

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

### Các khoản đầu tư tài chính

#### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	10 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

**Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MÃ SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

**Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

### Doanh thu

#### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

#### Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 06 năm 2025.

**Thông tin bộ phận**

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	958.130.255	892.938.344
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.794.233.693	12.576.409.924
	<b>5.752.363.948</b>	<b>13.469.348.268</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Chi tiết tại Phụ lục 01)****7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2025		1/1/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty CP Dịch vụ và Thương mại Thiên Lam	6.178.649.575	(6.178.649.575)	6.178.649.575	(6.178.649.575)
Các khoản phải thu khách hàng khác	14.652.741.492	(2.010.157.544)	14.321.577.650	(2.010.157.544)
	<b>20.831.391.067</b>	<b>(8.188.807.119)</b>	<b>20.500.227.225</b>	<b>(8.188.807.119)</b>

**8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Du lịch Vietravel - CN Hà Nội	347.700.000	-	-	-
Công ty TNHH Izisolution	310.000.000	-	-	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Công trình Hợp Tiến	-	-	433.246.000	-
Hebei Tieniu Bicycle Industry Co., Ltd.	-	-	693.315.164	-
Tianjin Shengxing Trading Co.,Ltd	-	-	554.771.198	-
Trả trước khác	715.071.419	-	351.817.687	-
	<b>1.372.771.419</b>	<b>-</b>	<b>2.033.150.049</b>	<b>-</b>

**9 . PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	16.166.019	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	30.216.625	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	1.267.923	-
Lãi dự thu	-	-	162.571.038	-
Phải thu khác	129.101.428	-	130.731.462	-
	<b>129.101.428</b>	<b>-</b>	<b>340.953.067</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**

Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm,  
TP. Hà Nội, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>				
Ký cược, ký quỹ	366.600.000	-	366.600.000	-
	<b>366.600.000</b>	<b>-</b>	<b>366.600.000</b>	<b>-</b>

**10 . NỢ XẤU**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Thiên Lam	6.178.649.575	-	6.178.649.575	-
Đối tượng khác	2.010.157.544	-	2.010.157.544	-
	<b>8.188.807.119</b>	<b>-</b>	<b>8.188.807.119</b>	<b>-</b>

**11 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	66.277.527.561	-	49.710.041.103	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.017.562.516	-	1.975.106.604	-
Thành phẩm	8.312.637.497	-	4.373.663.178	-
Hàng hoá	14.343.915.391	-	18.060.076.029	-
	<b>90.951.642.965</b>	<b>-</b>	<b>74.118.886.914</b>	<b>-</b>

**12 . TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>5.217.417.563</b>	<b>5.217.417.563</b>
Tòa nhà văn phòng số 10B Tràng Thi	5.217.417.563	5.217.417.563
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	<b>400.000.000</b>	<b>400.000.000</b>
Chương trình phần mềm	400.000.000	400.000.000
	<b>5.617.417.563</b>	<b>5.617.417.563</b>

**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (Chi tiết tại Phụ lục 02)**



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm,  
TP. Hà Nội, Việt NamBáo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***14 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2025	1.680.520.000	1.680.520.000
Tại ngày 30/06/2025	1.680.520.000	1.680.520.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2025	192.282.505	192.282.505
Trích khấu hao	196.565.004	196.565.004
Tại ngày 30/06/2025	388.847.509	388.847.509
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2025	1.488.237.495	1.488.237.495
Tại ngày 30/06/2025	1.291.672.491	1.291.672.491

**15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ	300.930.549	358.861.345
Chi phí trả trước khác	1.757.683.323	348.203.376
	2.058.613.872	707.064.721
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí quảng cáo, truyền thông	1.102.213.905	1.324.698.127
Giá trị thương hiệu	385.770.442	462.924.526
Công cụ dụng cụ xuất dùng	518.531.090	754.290.280
Chi phí sửa chữa	2.464.319.148	1.520.278.766
Chi phí trả trước dài hạn khác	108.268.505	375.309.415
	4.579.103.090	4.437.501.114

**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả VND
Công ty TNHH DHP Việt Nam	3.417.883.889	3.417.883.889	1.697.099.005	1.697.099.005
Công ty TNHH Cơ Khí Centech Việt Nam	1.718.307.355	1.718.307.355	1.691.643.800	1.691.643.800
Công ty Cao Su Kenda (Việt Nam)	3.104.017.200	3.104.017.200	-	-
Các khoản phải trả khác	5.948.376.752	5.948.376.752	3.850.320.759	3.850.320.759
	14.188.585.196	14.188.585.196	7.239.063.564	7.239.063.564

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm,  
TP. Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (Chi tiết tại Phụ lục 03)****18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí phải trả khác	431.441.318	70.153.354
	<b>431.441.318</b>	<b>70.153.354</b>

**19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	28.644.048	22.812.534
Bảo hiểm xã hội	184.852.408	-
Bảo hiểm y tế	9.573.175	-
Bảo hiểm thất nghiệp	14.502.036	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	133.584.362	133.584.362
	<b>371.156.029</b>	<b>156.396.896</b>

**20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Chi tiết tại Phụ lục 04)****21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024</b>				
Tại ngày 01/01/2024	237.000.000.000	7.592.767	(24.314.186.351)	212.693.406.416
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	4.311.436.588	4.311.436.588
<b>Tại ngày 31/12/2024</b>	<b>237.000.000.000</b>	<b>7.592.767</b>	<b>(20.002.749.763)</b>	<b>217.004.843.004</b>
<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>				
Tại ngày 01/01/2025	237.000.000.000	7.592.767	(20.002.749.763)	217.004.843.004
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	441.787.888	441.787.888
<b>Tại ngày 30/06/2025</b>	<b>237.000.000.000</b>	<b>7.592.767</b>	<b>(19.560.961.875)</b>	<b>217.446.630.892</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	30/06/2025 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2025 VND
UBND Thành phố Hà Nội	45,00%	106.650.000.000	45,00%	106.650.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư VSD	41,68%	98.792.250.000	41,68%	98.792.250.000
Vốn góp của các cổ đông khác	13,32%	31.557.750.000	13,32%	31.557.750.000
	<b>100%</b>	<b>237.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>237.000.000.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm,  
TP. Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>			
		<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		237.000.000.000	237.000.000.000
- Vốn góp đầu kỳ		237.000.000.000	237.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ		237.000.000.000	237.000.000.000
<b>d) Cổ phiếu</b>			
		<b>30/06/2025</b>	<b>01/01/2025</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		23.700.000	23.700.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		23.700.000	23.700.000
- Cổ phiếu phổ thông		23.700.000	23.700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		23.700.000	23.700.000
- Cổ phiếu phổ thông		23.700.000	23.700.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)		10.000	10.000
<b>22 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>			
		<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng		89.943.833.124	59.691.700.108
Doanh thu dịch vụ		7.685.186	64.308.236
		<b>89.951.518.310</b>	<b>59.756.008.344</b>
<b>23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU</b>			
		<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chiết khấu thương mại		83.698.500	23.291.715
Hàng bán bị trả lại		-	1.846.574
		<b>83.698.500</b>	<b>25.138.289</b>
<b>24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>			
		<b>Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025</b>	<b>Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn bán hàng		73.360.412.533	48.552.850.074
		<b>73.360.412.533</b>	<b>48.552.850.074</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	138.217.723	318.364.596
	<b>138.217.723</b>	<b>318.364.596</b>

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.980.156.423	1.640.252.090
	<b>1.980.156.423</b>	<b>1.640.252.090</b>

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	613.457.462	299.580.708
Chi phí nhân công	1.122.588.561	713.006.699
Chi phí khấu hao tài sản cố định	226.507.704	219.157.704
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.757.008.306	3.154.698.394
Chi phí khác bằng tiền	756.274.156	551.867.300
	<b>7.475.836.189</b>	<b>4.938.310.805</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	675.206.377	874.944.567
Chi phí nhân công	3.068.045.919	3.192.248.971
Chi phí khấu hao tài sản cố định	457.447.848	275.169.124
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.363.836.919	845.922.131
Chi phí khác bằng tiền	226.407.316	480.514.911
	<b>5.794.944.379</b>	<b>5.673.799.704</b>

**29 . CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	13.066.656
Các khoản bị phạt	195.773.198	
Chi phí khác	478.359.321	129.632.681
	<b>674.132.519</b>	<b>142.699.337</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI**Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm,  
TP. Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***30 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
<b>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	720.767.990	(880.158.324)
Các khoản điều chỉnh tăng	674.132.519	-
- Chi phí không hợp lệ	674.132.519	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	1.394.900.509	(880.158.324)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>278.980.102</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	32.743.913	32.743.913
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>311.724.015</b>	<b>32.743.913</b>

**33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lợi nhuận sau thuế	441.787.888	(880.158.324)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	441.787.888	(880.158.324)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	23.700.000	23.700.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>19</b>	<b>(37)</b>

**34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67.713.568.286	32.777.257.215
Chi phí nhân công	11.593.680.151	11.009.546.035
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.781.788.415	2.282.642.585
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.512.805.202	11.919.779.849
Chi phí khác bằng tiền	982.655.100	1.045.570.711
	<b>99.588.497.154</b>	<b>59.039.796.395</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**36 . BÁO CÁO BỘ PHẬN (Chi tiết tại Phụ lục 05)****37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

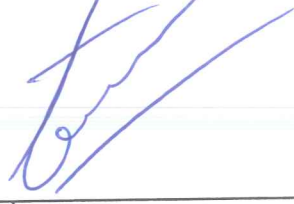
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
		VND	VND
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc; Hội đồng Quản trị</b>		<b>560.939.885</b>	<b>451.915.499</b>
Ông Đinh Vũ Minh Việt	Tổng giám đốc/ Thành viên HĐQT	189.397.846	191.889.923
Ông Phí Trọng Thành	Phó Tổng Giám đốc	175.875.231	53.475.577
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	103.189.846	109.639.211
Bà Vũ Thị Phương	Thành viên HĐQT	92.476.962	96.910.788
<b>Thu nhập của Ban Kiểm soát</b>		<b>199.441.552</b>	<b>209.539.604</b>
Bà Nguyễn Thị Hồng Thủy	Trưởng ban Ban kiểm soát	92.668.725	99.900.392
Ông Chu Văn Vượng	Thành viên Ban kiểm soát	106.772.827	109.639.212

**38 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam theo báo cáo kiểm toán số 308/BCKT-TC/AVA.NV6 ngày 26/03/2025. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 chưa được soát xét.

  
Trần Thành Trung  
Người lập

  
Trần Thành Trung  
Kế toán trưởng



  
Đinh Vũ Minh Việt  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI  
Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm,  
TP. Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025  
Phụ lục 01

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(1)</sup>	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000
	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000

(1) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4,8%/năm tại Ngân hàng TMCP Quân đội.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	117.025.553.713	117.025.553.713	117.025.553.713	-
Công ty TNHH Thống Nhất - Bắc Việt <sup>(2)</sup>	117.025.553.713	117.025.553.713	117.025.553.713	-
	117.025.553.713	117.025.553.713	117.025.553.713	-

(2) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2025 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Thống Nhất - Bắc Việt	Hà Nội	30,00%	30,00%	Kinh doanh bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI

Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm,  
TP. Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025  
Phụ lục 02

Mẫu số B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá							
Tại ngày 01/01/2025	56.445.653.164	40.454.096.783	6.109.567.749	1.732.254.636	1.173.104.663	105.914.676.995	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.383.607.232	133.707.284	120.000.000	176.400.000	-	1.813.714.516	
Tại ngày 30/06/2025	57.829.260.396	40.587.804.067	6.229.567.749	1.908.654.636	1.173.104.663	107.728.391.511	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Tại ngày 01/01/2025	20.305.001.963	24.165.991.453	2.376.546.806	753.310.935	857.302.374	48.458.153.531	
Trích khấu hao	811.196.310	1.332.776.984	310.810.773	101.485.878	28.953.466	2.585.223.411	
Tại ngày 30/06/2025	21.116.198.273	25.498.768.437	2.687.357.579	854.796.813	886.255.840	51.043.376.942	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2025	36.140.651.201	16.288.105.330	3.733.020.943	978.943.701	315.802.289	57.456.523.464	
Tại ngày 30/06/2025	36.713.062.123	15.089.035.630	3.542.210.170	1.053.857.823	286.848.823	56.685.014.569	

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.286.429.245 đồng.





CÔNG TY CỔ PHẦN THỐNG NHẤT HÀ NỘI  
Số 10B, Phố Tràng Thi, Phường Hoàn Kiếm,  
TP. Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025  
Phụ lục 03

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	779.101.028	-	2.712.889.136	2.712.889.136	779.101.028	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	3.526.886.017	3.526.886.017	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	32.743.913	278.980.102	-	-	311.724.015
Thuế Thu nhập cá nhân	-	39.010.052	10.994.281	9.932.605	-	40.071.728
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	3.003.714.488	1.637.238.651	-	1.366.475.837
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	779.101.028	71.753.965	9.538.464.024	7.891.946.409	779.101.028	1.718.271.580

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN

20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	65.872.182.654	65.872.182.654	77.070.952.133	76.475.518.381	66.467.616.406	66.467.616.406
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(1)</sup>	28.060.328.467	28.060.328.467	37.822.778.175	35.513.527.784	30.369.578.858	30.369.578.858
Ngân hàng TMCP Quân Đội <sup>(2)</sup>	37.811.854.187	37.811.854.187	39.248.173.958	40.961.990.597	36.098.037.548	36.098.037.548
	65.872.182.654	65.872.182.654	77.070.952.133	76.475.518.381	66.467.616.406	66.467.616.406

- (1) Hợp đồng cấp tín dụng số 25/5492-CTD/010 ngày 23/05/2025; Hạn mức vay: 35.000.000.000 đồng; Thời hạn: 06 tháng; Mục đích: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và thương mại; Lãi suất: Từng lần nhận nợ; Hình thức đảm bảo: Thế chấp; Số dư tại 30/06/2025: 30.369.578.858 đồng.
- (2) Hợp đồng cấp tín dụng số 301076.25.006.1618412.TD ngày 30/06/2025; Hạn mức vay: 60.000.000.000 đồng; Thời hạn: 06 tháng; Mục đích: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và thương mại; Lãi suất: Từng lần nhận nợ; Hình thức đảm bảo: Thế chấp.

